

TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ

CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP Xã hội



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI



“

Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (SCDI) là tổ chức
khoa học - công nghệ ngoài công lập có kinh nghiệm làm việc cùng các
nhóm-cộng-đồng dễ-bị-tổn-thương từ năm 2010.

SCDI tin tưởng mỗi cá nhân đều sở hữu tiềm năng, khi được hỗ trợ tích
cực, sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của chính bản thân và
cộng đồng ở tất cả lĩnh vực: y tế, học tập, việc làm, pháp lý v.v...

Trợ giúp Xã hội là một trong những công cụ mà SCDI cùng các đối tác của
mình áp dụng để hỗ trợ hiệu quả cho các nhóm dân cư gặp khó khăn tăng
cường năng lực ứng phó với rủi ro, tạo cơ hội cho họ hòa nhập cộng đồng,
góp phần đảm bảo ổn định và công bằng xã hội.



Tài liệu nghiệp vụ CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Biên soạn:

TS. Nguyễn Ngọc Toản – Phó Cục trưởng Cục Bảo trợ Xã hội

CN. Nguyễn Hữu Lợi – Chuyên viên Cục Bảo trợ Xã hội

TS. Lê Thị Hà - Cố vấn Cao cấp SCDI

BS. Kiều Thị Mai Hương – Quản lý chương trình Sức khỏe SCDI

Tài liệu được thực hiện và xuất bản với sự tài trợ của SCDI trong khuôn khổ dự án:

PITCH – Hợp tác để Truyền Cảm hứng, Thay đổi và Kết nối trong ứng phó HIV tạo điều kiện cho những cộng đồng chịu ảnh hưởng bởi HIV có thể có tiếp cận đầy đủ và bình đẳng với các dịch vụ HIV, sức khoẻ sinh sản và tình dục.

Lời giới thiệu

Việt Nam do các nguyên nhân khách quan và chủ quan đã dẫn đến có một bộ phận không nhỏ dân cư cần trợ giúp xã hội. Chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam được hình thành từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, với mục đích hỗ trợ vật chất và tinh thần cho bộ phận dân cư chịu hoàn cảnh khó khăn như: hậu quả thiên tai, trẻ em mồ côi, người khuyết tật, người cao tuổi, người chịu ảnh hưởng HIV/AIDS.... Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chính sách trợ giúp xã hội đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với yêu cầu của xã hội, đến nay chính sách trợ giúp xã hội là một trong những chính sách bộ phận quan trọng của hệ thống chính sách an sinh xã hội.

Để thuận lợi cho triển khai thực hiện chính sách, đặc biệt là tăng cường vai trò tham gia của cộng đồng và xã hội, tham gia của đối tượng hưởng lợi, Cục bảo trợ xã hội đã phối hợp cùng với Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phát triển cộng đồng biên soạn và xuất bản "Tài liệu nghiệp vụ chính sách trợ giúp xã hội". Hi vọng đây là cuốn cẩm nang quý để nghiên cứu và thực hiện các chế độ chính sách trợ giúp xã hội.

Đây là vấn đề phức tạp, trong quá trình biên soạn khó tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cho lần xuất bản sau.

BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Ý nghĩa
ASXH	An sinh xã hội
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BTXH	Bảo trợ xã hội
GĐYK	Giám định y khoa
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
NCT	Người cao tuổi
NKT	Người khuyết tật
TCXH	Trợ cấp xã hội
TGXH	Trợ giúp xã hội
XĐMĐKT	Xác định mức độ khuyết tật
UBND	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

PHẦN 1. VĂN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI.....	9
1.1. KHÁI NIỆM TRỢ GIÚP XÃ HỘI.....	9
1.2. VAI TRÒ CỦA TRỢ GIÚP XÃ HỘI.....	10
1.2.1. Trợ giúp xã hội nhằm bảo đảm an sinh xã hội.....	10
1.2.2. Trợ giúp xã hội thực hiện phân phối lại của cải xã hội	10
1.2.3.Trợ giúp xã hội phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro	10
1.3. QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI.....	10
1.3.1. TGXH dựa trên cơ sở quyền con người.....	10
1.3.2. Trợ giúp xã hội theo vòng đời của mỗi cá nhân.....	11
1.3.3. Trợ giúp xã hội gắn với quản lý rủi ro	12
1.3.4. Trợ giúp xã hội hướng vào ưu tiên bộ phận dân cư khó khăn	13
1.3.5. Trợ giúp xã hội thể hiện sự chia sẻ trách nhiệm	13
1.4. PHÂN LOẠI CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI.....	14
1.4.1. Phân loại theo phương thức thực hiện.....	14
1.4.2. Phân loại theo đối tượng hưởng chính sách.....	14
1.4.3. Phân loại theo chủ thể thực hiện trợ giúp	14
1.4.4. Phân loại theo nguồn lực thực hiện trợ giúp	14
1.5. NGUYÊN TẮC CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI.....	15
1.5.1.Bảo đảm kịp thời	15
1.5.2. Bảo đảm sự công bằng, công khai và minh bạch.....	15
1.5.3. Luôn tuân thủ nguyên tắc loại trừ	15
1.5.4. Bảo đảm sự ổn định bền vững và chia sẻ trách nhiệm	15
1.5.5. Bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả	16
PHẦN 2. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN	18
2.1. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG	18
2.1.1. Đối tượng thụ hưởng chính sách.....	18
2.1.2. Chế độ chính sách	20

2.1.3. Quy trình ra quyết định và điều chỉnh trợ cấp xã hội.....	20
2.2. HỖ TRỢ KINH PHÍ CHĂM SÓC HÀNG THÁNG	25
2.2.1. Đối tượng thụ hưởng	25
2.2.2. Chế độ chính sách nhận nuôi dưỡng, chăm sóc	26
2.2.3. Quy trình ra quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc.....	28
2.3. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC TRONG CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI	29
2.3.1. Đối tượng được nuôi dưỡng chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội ..	29
2.3.2. Chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc	29
2.3.3. Quy trình xét duyệt tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc.....	30
2.4. CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP ĐỘT XUẤT	32
2.4.1. Đối tượng và mức trợ giúp	32
2.4.2. Quy trình xét duyệt và tổ chức thực hiện.....	33
2.5. CHI TRẢ CHÍNH SÁCH VÀ PHẢN HỒI THÔNG TIN.....	34
2.5.1.Chi trả chính sách.....	34
2.5.2. Phản hồi thông tin.....	35
PHẦN 3. XÁC ĐỊNH NGƯỜI KHUYẾT TẬT	37
3.1. KHÁI NIỆM NGƯỜI KHUYẾT TẬT, DẠNG KHUYẾT TẬT, MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT	37
3.1.1. Khái niệm người khuyết tật.....	37
3.1.2. Dạng khu yết tật	37
3.1.3. Mức độ khuyết tật	38
3.2. XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT.....	38
3.2.1. Mục đích xác định mức độ khuyết tật.....	38
3.2.2. Trách nhiệm thực hiện	39
3.2.3. Thủ tục xác nhận mức độ khuyết tật	39
PHẦN 4. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH.....	41
PHẦN 5. MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CHÍNH SÁCH	55
TÀI LIỆU THAM KHẢO:	73



PHẦN 1. VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

1.1. KHÁI NIỆM TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Trợ giúp xã hội¹ (TGXH) là hệ thống các chính sách, chế độ, hoạt động của chính quyền các cấp và hoạt động của cộng đồng xã hội dưới các hình thức và biện pháp khác nhau, nhằm giúp các đối tượng thiệt thòi, yếu thế hoặc gặp bất hạnh trong cuộc sống có điều kiện tồn tại và có cơ hội hòa nhập với cuộc sống chung của cộng đồng, góp phần bảo đảm ổn định và công bằng xã hội.

Trợ giúp xã hội là các biện pháp, giải pháp bảo đảm của Nhà nước và xã hội đối với bộ phận dân cư có hoàn cảnh khó khăn (người bị thiệt thòi, dễ bị tổn thương hoặc gặp bất hạnh trong cuộc sống) nhằm giúp họ khắc phục những khó khăn trước mắt cũng như lâu dài trong cuộc sống. Việc bảo đảm này thông qua các hoạt động cung cấp tài chính, vật phẩm, các điều kiện vật chất khác cho đối tượng.

Chính sách TGXH là các hành động, biện pháp, giải pháp bảo đảm của Nhà nước để giúp cho bộ phận dân cư gặp những hoàn cảnh khó khăn khắc phục khó khăn trước mắt và lâu dài. Việc bảo đảm này thông qua việc cung cấp nguồn tài chính, hiện vật hay các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, giáo dục và các nhu cầu cơ bản khác của con người.

Bản chất của chính sách TGXH là nhằm giải quyết vấn đề công bằng, ổn định và phát triển bền vững về chính trị, kinh tế và xã hội của quốc gia. Nhóm dân cư khó khăn được xác định cụ thể theo bối cảnh lịch sử và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Quốc gia. Giai đoạn hiện nay Việt Nam đang tập trung trợ giúp cho người chịu hậu quả thiên tai, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các đối tượng khó khăn khác, để họ bảo đảm điều kiện sống an toàn, hoà nhập, tham gia đóng góp xã hội. Mục tiêu chính sách hướng tới là kết hợp sự trợ giúp của nhà nước với sự trợ giúp của gia đình, cộng đồng xã hội, trợ giúp các đối tượng tăng cường khả năng ứng phó với rủi ro, tạo cơ hội hội vươn lên.

Đối tượng hưởng chính sách là một bộ phận hay nhóm dân cư do các nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến phải chịu những hoàn cảnh khó khăn trong sinh hoạt, lao động, học tập và cần đến sự trợ giúp của gia đình, cộng đồng, nhà

¹ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) (1999)

nước thì mới có thể bảo đảm cuộc sống và hòa nhập cộng đồng. Theo quy định của pháp luật hiện hành thì đối tượng hưởng chính sách TGXH bao gồm cá nhân, hộ gia đình chịu hậu quả thiên tai; người cao tuổi (NCT), người khuyết tật (NKT) và hộ gia đình, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người nhiễm HIV, trẻ tự kỷ và hộ gia đình có trẻ tự kỷ và các đối tượng khác. Các đối tượng đều có một hoặc nhiều hoàn cảnh khó khăn, sức khỏe yếu, cần người chăm sóc về điều kiện sinh hoạt, sức khỏe, giáo dục, khó khăn kinh tế và không có người thân chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.2. VAI TRÒ CỦA TRỢ GIÚP XÃ HỘI

1.2.1. Trợ giúp xã hội nhằm bảo đảm an sinh xã hội

Thông qua luật pháp, chính sách, các chương trình TGXH, Nhà nước can thiệp và tác động giữ ổn định xã hội, ổn định chính trị, giảm phân hoá giàu nghèo, giảm phân tầng xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội giữa các nhóm xã hội trong quá trình phát triển. Để tạo ra sự phát triển bền vững, đòi hỏi Nhà nước càng phải phát triển mạnh mẽ TGXH để điều hoà các mâu thuẫn xã hội phát sinh trong quá trình phát triển.

1.2.2. Trợ giúp xã hội thực hiện phân phối lại của cải xã hội

TGXH sẽ điều tiết phân phối thu nhập, cân đối, điều chỉnh nguồn lực để tăng cường cho các vùng nghèo, vùng chậm phát triển, tạo nên sự phát triển hài hoà giữa các vùng, giảm bớt sự chênh lệch giữa các vùng, nhóm dân cư.

1.2.3. Trợ giúp xã hội phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro

TGXH trực tiếp giải quyết những vấn đề liên quan đến giảm thiểu rủi ro, hạn chế tính dễ bị tổn thương và khắc phục hậu quả của rủi ro thông qua các chính sách và chương trình cụ thể nhằm giúp cho các thành viên xã hội ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng, bảo đảm mức sống tối thiểu cho dân cư khó khăn.

1.3. QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

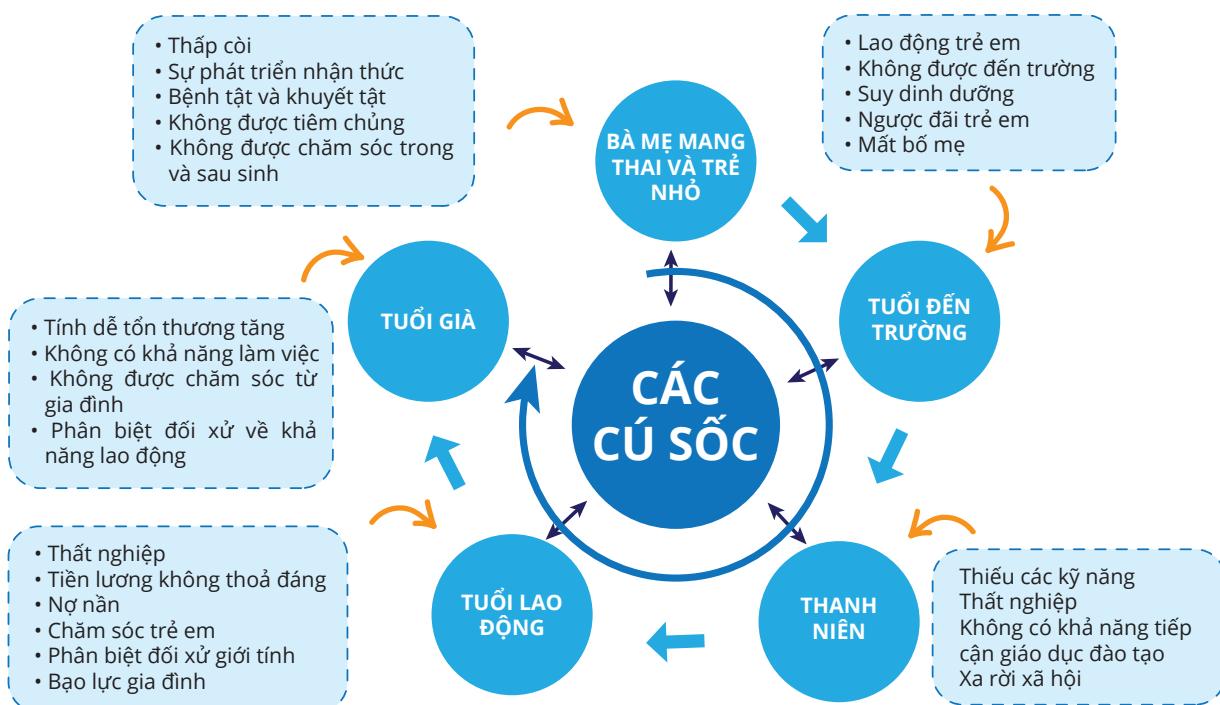
1.3.1. TGXH dựa trên cơ sở quyền con người

Quyền con người là một giá trị hội tụ của nhiều giá trị khác nhau nhằm đảm bảo cho con người được sống, được làm việc, được coi trọng, được mưu cầu hạnh phúc... Quan điểm này lấy con người làm trung tâm của mục tiêu các

chính sách. Với quan niệm con người sinh ra có các quyền sống và bảo đảm các quyền cơ bản của con người, Nhà nước cần có biện pháp hỗ trợ những cá nhân không có năng lực thực hiện các quyền, tự bảo đảm nhu cầu cơ bản để duy trì cuộc sống. Trợ giúp xã hội là sự can thiệp để các cá nhân thực hiện các nhu cầu cơ bản. Nhà nước là bảo vệ sự an toàn cho tất cả các thành viên trong xã hội trước các nguy cơ bị suy giảm, hoặc bị mất nguồn thu nhập, trước các cú sốc về kinh tế - xã hội và đó thuộc về chức năng cơ bản của an sinh xã hội. Chính sách TGXH xây dựng trên cơ sở bảo đảm cho bộ phận dân cư khó khăn thực hiện các nhu cầu về đời sống (lương thực, thực phẩm), có nước sạch sinh hoạt, có nơi ở, bảo đảm vệ sinh cá nhân và môi trường, được chăm sóc y tế, được tiếp cận giáo dục, giao tiếp, các hoạt động cộng đồng. Quan điểm tiếp cận này còn được các tổ chức xã hội vận dụng để huy động nguồn lực và thực hiện cung cấp dịch vụ TGXH tác động là giảm bớt sự thiếu thốn vật chất, sự tách biệt với môi trường và sự tổn thương cá nhân.

1.3.2. Trợ giúp xã hội theo vòng đời của mỗi cá nhân

Phương pháp tiếp cận theo vòng đời cho phép chúng ta nhận dạng được những khó khăn, những rủi ro, những rào cản, những nhu cầu của con người trong từng giai đoạn vòng đời từ ấu thơ, trẻ em, thanh niên, trung niên, người



Hình 1. Mô hình tiếp cận trợ giúp xã hội theo vòng đời²

² Kidd et al., (2012). Social Protection Reform in Bangladesh: Program Design,

già. Đây là cách tiếp cận mang tính tổng thể, không bỏ sót bất cứ khó khăn nào trong các giai đoạn của vòng đời.

Trong từng giai đoạn của vòng đời của con người có thể nẩy sinh một số vấn đề rủi ro như: (i) Giai đoạn trong bào thai và ấu thơ có thể nẩy sinh nguy cơ suy dinh dưỡng, thấp còi, không được chăm sóc trong và sau khi sinh, phát triển nhát thức, khuyết tật bẩm sinh và bệnh tật...; (ii) Giai đoạn trẻ đi học có nguy cơ suy dinh dưỡng, lao động trẻ em, mồ côi cha, mẹ, trẻ em bị ngược đãi, vi phạm pháp luật, khuyết tật và bệnh tật; (iii) Giai đoạn thanh niên nẩy sinh nguy cơ sức khỏe, tai nạn lao động, thiếu kỹ năng, thất nghiệp, khuyết tật...; (iv) Giai đoạn trung niên có nguy cơ thất nghiệp, bệnh tật và khuyết tật, phân biệt đối xử, bạo lực gia đình, trách nhiệm chăm sóc con cái...; (v) Giai đoạn cao tuổi tính dễ bị tổn thương cao, khuyết tật và bệnh mãn tính, không có khả năng làm việc, nguồn nuôi dưỡng, phân biệt đối xử do không còn khả năng làm việc, không được chăm sóc từ gia đình.

1.3.3. Trợ giúp xã hội gắn với quản lý rủi ro

Cơ sở của quan điểm này là mọi thành viên trong xã hội luôn có nguy cơ bị rủi ro. TGXH là công cụ quản lý rủi ro và thực hiện các chức năng phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro. Trong đời sống hàng mỗi cá nhân luôn đối mặt với nhiều loại hình rủi ro khác nhau. Rủi ro gây lên những thiệt hại, mất mát, nguy hiểm hoặc các yếu tố liên quan đến nguy hiểm, khó khăn hoặc điều không may mắn có thể xảy ra. Ví dụ sản xuất nông dân có thể gặp phải rủi ro mất mùa do thiên tai. Người lao động làm việc trong các công trường, nhà máy có thể bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Theo tính quy luật thì xã hội càng phát triển, mức độ rủi ro tác động đối với mỗi cá nhân ngày càng nhiều. Nhiều loại hình rủi ro mới xuất hiện và tần suất và mức độ tàn phá của ngày càng cao. Trong bối cảnh xã hội ngày nay có nhiều loại hình rủi ro tác động đến đời sống dân sinh của cá nhân. Mỗi một loại hình rủi ro có tác động, ảnh hưởng khác nhau đến đời sống của cá nhân.

TGXH tiếp cận từ khía cạnh quản lý rủi ro, nhằm hỗ trợ cho những cá nhân hạn chế về nguồn lực để họ có cơ hội tồn tại, vươn lên tái hòa nhập đời sống xã hội. TGXH bao gồm các cấp độ chính sách khác nhau và tạo ra các loại hình dịch vụ riêng. Bao gồm cả trợ giúp phát triển, trợ giúp ổn định và trợ giúp để duy trì. Trong mỗi cấp độ trợ giúp lại được chia thành các hình thức khác nhau từ trợ giúp đơn giản đến phức tạp. Ví dụ, để duy trì cuộc sống đối với NKT không có khả

năng lao động, không tự phục vụ được thì nhà nước có chính sách trợ cấp hàng tháng, nhưng nếu như không bảo đảm được thì nuôi dưỡng trong các nhà xã hội do cấp xã quản lý, trong trường hợp chưa bảo đảm thì đưa vào nuôi dưỡng tập trung trong các cơ sở trợ giúp xã hội.

1.3.4. Trợ giúp xã hội hướng vào ưu tiên bộ phận dân cư khó khăn

Xuất phát từ nguồn lực quốc gia hạn chế, trong khi nhu cầu tự giác lớn đã đòi hỏi cầu có ưu tiên và thông thường ưu tiên nhóm khó khăn nhất. Với quan điểm ưu tiên bộ phận dân cư khó khăn, tiêu chí xác định đối tượng thường phức tạp hơn, phải gắn những điều kiện giới hạn đối tượng hưởng lợi như nghèo, không tự bảo đảm được cuộc sống; chi phí bộ máy quản lý tốn kém hơn, bỏ sót đối tượng; độ bao phủ thấp hơn khoảng 1,5% so với dân số. Nhưng ưu điểm là chính sách cho nhóm đối tượng ưu tiên thường gắn với bảo đảm mức sống tối thiểu, cao hơn các chính sách phổ cập. Nguồn lực thường thấp hơn mô hình chính sách phổ cập, vì độ bao phủ so với dân số thường thấp hơn. Cụ thể như ngay cả trợ cấp xã hội (TCXH) có nhiều mức khác nhau theo điều kiện khó khăn, hoàn cảnh, nhu cầu của từng đối tượng. Quan điểm này phù hợp với các nước nghèo, khó khăn ngân sách mà có đồng đối tượng cần trợ giúp.

1.3.5. Trợ giúp xã hội thể hiện sự chia sẻ trách nhiệm

Nhà nước thực hiện chức năng bảo đảm an sinh xã hội cho người dân song song với các chức năng về phát triển kinh tế, bảo vệ tổ quốc và duy trì ổn định xã hội. Nhà nước ban hành thực hiện chính sách TGXH phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của đất nước trong từng thời kỳ; hướng vào đối tượng yếu thế, thiệt thòi, kém may mắn trong cuộc sống, đảm bảo cho họ những nhu cầu thiết yếu của con người về ăn, mặc, ở, chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, văn hoá, đi lại và giao tiếp xã hội. Nguồn kinh phí để thực hiện các chính sách TGXH chính là nguồn thu từ thuế. Kết hợp với các chính sách về điều tiết phân phối thu nhập để làm sao cho khoảng cách chênh lệch giữa nhóm nghèo nhất và nhóm giàu nhất ở mức tương đối bình đẳng và xã hội chấp nhận được.

1.4. PHÂN LOẠI CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

1.4.1. Phân loại theo phương thức thực hiện

Trợ giúp xã hội đột xuất: Hình thức trợ giúp đột xuất tức thì cho các cá nhân hoặc nhóm dân cư do các nguyên nhân khách quan bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh dẫn đến không có đồ ăn, nước uống, nhà ở trong khoảng thời gian xác định.

Trợ giúp xã hội thường xuyên: Trợ giúp thường xuyên hàng tháng cho các cá nhân hoặc hộ gia đình trong khoảng thời gian dài.

1.4.2. Phân loại theo đối tượng hưởng chính sách

1) Người cao tuổi: NCT không có người có quyền, nghĩa vụ phụ dưỡng; NCT không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội, NCT nghèo...

2) Người khuyết tật: NKT đặc biệt nặng; NKT nặng, trẻ em khuyết tật; NCT khuyết tật...

3) Trẻ em có hoàn cảnh khó khăn: Mồ côi cả cha và mẹ, bị bỏ rơi, mồ côi cha, mồ côi mẹ; trẻ em nghèo, trẻ em dân tộc thiểu số...

4) Người chịu hậu quả thiên tai, bão lụt.

5) Người nhiễm HIV/AIDS: Nghèo, không có khả năng lao động...

6) Đối tượng khó khăn khác

1.4.3. Phân loại theo chủ thể thực hiện trợ giúp

1) Trợ giúp xã hội do Nhà nước thực hiện

2) Trợ giúp xã hội do khu vực tư nhân thực hiện

3) Trợ giúp xã hội do Nhà nước và tư nhân cùng hợp tác thực hiện.

1.4.4. Phân loại theo nguồn lực thực hiện trợ giúp

1) Trợ giúp từ ngân sách nhà nước: Nguồn kinh phí trợ cấp do ngân sách nhà nước hoặc các nguồn hỗ trợ khác do các cơ quan nhà nước thực hiện.

2) Trợ giúp từ nguồn quỹ do đóng góp của các thành viên thông qua các quỹ bảo hiểm, quỹ rủi ro của các tổ chức đoàn thể, xã hội.

3) Trợ giúp từ các nguồn quỹ vận động xã hội: thực hiện thông qua các tổ chức đoàn thể, xã hội hoặc cá nhân đứng ra vận động, nhằm giúp đỡ cho các đối tượng quỹ ngày vì người nghèo, quỹ nạn nhân chất độc da cam, quỹ vận động trợ giúp các bệnh nhân bị bệnh hiểm nghèo...

1.5. NGUYÊN TẮC CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

1.5.1. Bảo đảm kịp thời

Bản chất chính sách trợ giúp xã hội là bảo đảm các điều kiện sống tối thiểu. Nói cụ thể hơn đó chính là nhu yếu phẩm sinh hoạt hàng ngày. Chính vì vậy luôn cần phải cung cấp kịp thời.

1.5.2. Bảo đảm sự công bằng, công khai và minh bạch

Đặc thù chính sách trợ giúp xã hội có nhiều đối tượng, mỗi loại đối tượng lại có hoàn cảnh, mức độ khó khăn khác nhau, tránh sự cào bằng chính sách đối với tất cả các nhóm đối tượng. Đồng thời phải phù hợp với các chính sách xã hội khác (chính sách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH), chính sách giảm nghèo, chính sách người có công...).

1.5.3. Luôn tuân thủ nguyên tắc loại trừ

Sở dĩ áp dụng nguyên tắc loại trừ là vì việc cung cấp nhu yếu phẩm sinh hoạt theo từng cá nhân, hướng tới việc bảo đảm nhu cầu sống tối thiểu. Mỗi cá nhân thì không thể cung cấp trên một lần trong cùng thời điểm. Do vậy đối với những đối tượng thuộc hoàn cảnh khó khăn, thuộc nhiều khung chính sách khác nhau thì áp dụng nguyên tắc loại trừ theo hướng áp dụng chế độ cao nhất.

1.5.4. Bảo đảm sự ổn định bền vững và chia sẻ trách nhiệm

Trợ giúp xã hội là tất yếu, khách quan do vậy chính sách TGXH là chính sách lâu dài. Vì vậy, đòi hỏi có sự ổn định chính sách trong thời gian nhất định. Xác định vai trò của Nhà nước và vai trò của tư nhân, tách bạch giữa thương mại và không thương mại. Nhà nước quy định và thực hiện chính sách, tư nhân cung cấp dịch vụ, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa để giảm bớt gánh nặng ngân sách của nhà nước.

1.5.5. Bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả

Thực hiện nguyên tắc này là việc xem xét thiết lập mục tiêu chính sách để đạt được như mong muốn của Nhà nước. Cụ thể như xác định phạm vi ảnh hưởng của chính sách. Đồng thời tính toán cân đối, dự báo nguồn lực, điều kiện để thực hiện mục tiêu, bao gồm cả các yếu tố ảnh hưởng của quá trình thực thi chính sách.

Tính hiệu quả đòi hỏi chính sách TGXH phải được thực hiện đạt kết quả mong muốn với mức chi phí hợp lý nhất trong phạm vi có thể. Trong bối cảnh nhu cầu trợ giúp lớn, đối tượng đồng và nguồn ngân sách có hạn đòi hỏi cần xác định được nhóm ưu tiên và mức hỗ trợ hợp lý nhất



PHẦN 2. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Chế độ trợ giúp xã hội bao gồm các chế độ TCXH hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc cho người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội và chế độ chính sách trợ giúp đột xuất.

2.1. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG

2.1.1. Đối tượng thụ hưởng chính sách

Theo quy định hiện hành³ thì đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (TCXH) hàng tháng (hay hỗ trợ tiền mặt) bao gồm các nhóm đối tượng sau:

a) *Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng*

Nhóm đối tượng này thuộc một trong các trường hợp quy định sau đây:

(1) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi.

(2) Mồ côi cả cha và mẹ.

(3) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật.

(4) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

(5) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(6) Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật.

(7) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

(8) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(9) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội.

³Quy định tại Điều 6 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

(10) Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

(11) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Đối với những trường hợp trên mà từ 16 tuổi đến 22 tuổi mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì vẫn tiếp tục thuộc diện hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng.

b) Trẻ em nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo

Bao gồm những trẻ em bị nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo; những người bị nhiễm HIV không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.

c) Người đơn thân nghèo đang nuôi con

Bao gồm người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết; có chồng hoặc vợ mất tích theo quy định của pháp luật và đang nuôi con dưới 16 tuổi hoặc đang nuôi con từ 16 tuổi đến 22 tuổi nhưng người con đó đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.

d) Người cao tuổi

Người cao tuổi thuộc một trong 3 trường hợp sau:

(1) NCT thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ TCXH hàng tháng.

(2) Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, TCXH hàng tháng.

(3) NCT thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ

xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.

Lưu ý: NCT là những công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên⁴.

e) **Người khuyết tật**

Bao gồm các nhóm trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng, trẻ em khuyết tật nặng và NKT đặc biệt nặng hoặc NKT nặng.

2.1.2. Chế độ chính sách

Những đối tượng ở Mục 2.1 trên thuộc diện hưởng chính sách bao gồm:

- 1) Được hưởng TCXH hàng tháng
- 2) Được cấp thẻ BHYT
- 3) Được miễn giảm học phí, chi phí đào tạo và hỗ trợ chi phí mai táng khi qua đời.
- 4) Được hỗ trợ kinh phí mai táng khi qua đời

$$\text{Mức TCXH} \quad = \quad \text{Hệ số} \quad \times \quad \text{Mức chuẩn} \\ \text{hàng tháng} \qquad \qquad \qquad \text{trợ cấp} \qquad \qquad \text{trợ giúp xã hội}$$

Lưu ý: Theo quy định hiện hành thì mức chuẩn trợ giúp xã hội (270.000 đồng⁵) và Hệ số trợ cấp tương ứng đối với từng đối tượng cụ thể.

Bảng 2.1. Hệ số trợ cấp theo đối tượng⁶

Số TT	Đối tượng	Hệ số trợ cấp
1	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng dưới 04 (bốn) tuổi	2,5
2	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng từ 04 (bốn) tuổi trở lên	1,5
3	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp như trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất.	1,5
4	Trẻ em dưới 04 (bốn) tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo mà không có trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.	2,5

⁴Điều 2 Luật người cao tuổi

⁵Mức chuẩn được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP

⁶Quy định tại Điều 7 Nghị định số 136/NĐ-CP

5	Trẻ em từ 4 đến 16 tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo mà không có trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.	2,0
6	Người từ 16 tuổi bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác.	1,5
7	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ hai con trở lên	2,0
8	Người đơn thân nghèo nuôi 01 con	1,0
9	NCT từ đủ 60 đến 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ TCXH hàng tháng	1,5
10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ TCXH hàng tháng	2,0
11	Người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, TCXH hàng tháng;	1,0
12	NCT thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc.	3,0
13	NKT đặc biệt nặng	2,0
14	NKT đặc biệt nặng là NCT, NKT đặc biệt nặng là trẻ em	2,5
15	NKT nặng	1,5
16	NKT nặng là NCT, NKT nặng là trẻ em.	2,0

[Nguồn: Nghị định số 136/2013/NĐ-CP]

Trường hợp một đối tượng thuộc diện được hưởng nhiều mức trợ cấp khác nhau thì sẽ chỉ được hưởng một mức trợ cấp cao nhất.

Trường hợp người đơn thân nghèo đang nuôi con đồng thời là người bị nhiễm HIV/AIDS, NKT, NCT thì ngoài hưởng chế độ trợ cấp đối với người đơn thân nghèo đang nuôi con còn được hưởng thêm chế độ TCXH hàng tháng theo hoàn cảnh cụ thể. Sở dĩ người đơn thân nghèo được hưởng cả hai chế độ trợ cấp vì về bản chất chế độ đối với người đơn thân là tiền được trợ cấp là để nuôi con.

2.1.3. Quy trình ra quyết định và điều chỉnh trợ cấp xã hội

a) Quy trình ra quyết định trợ cấp xã hội

Quy trình xét duyệt ra quyết định hưởng trợ cấp xã hội đối với nhóm đối tượng này bao gồm 5 bước như sau:

Bước 1. Lập hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội: Đối tượng hoặc người giám hộ của đối tượng làm Tờ khai theo mẫu cụ thể đối với từng nhóm đối tượng gửi Chủ tịch UBND cấp xã. Khi nộp hồ sơ cần mang các loại giấy tờ gốc đi để đối chiếu thông tin. Trong đó, hồ sơ đề nghị TCXH hàng tháng bao gồm :

- (i) Sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc văn bản xác nhận của công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công an cấp xã).
- (ii) Giấy khai sinh đối với trường hợp trẻ em.
- (iii) Giấy tờ xác nhận bị nhiễm HIV của cơ quan y tế có thẩm quyền đối với trường hợp bị nhiễm HIV.
- (iv) Giấy khai sinh của con của người đơn thân đối với trường hợp người đơn thân nghèo đang nuôi con.
- (v) Riêng đối với NCT thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng thì có thêm đơn và sơ yếu lý của người nhận chăm sóc NCT có xác nhận của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã).

Bước 2. Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội thực hiện các bước xét duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội (sau đây gọi chung là Hội đồng xét duyệt) thực hiện xét duyệt và

niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 07 ngày, trừ những thông tin liên quan đến HIV của đối tượng.

Khi hết thời gian niêm yết, nếu không có khiếu nại thì Hội đồng xét duyệt bổ sung biên bản họp kết luận của Hội đồng xét duyệt vào hồ sơ của đối tượng, trình Chủ tịch UBND cấp xã.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Hội đồng xét duyệt kết luận và công khai về vấn đề khiếu nại, trình Chủ tịch UBND cấp xã.

Bước 3. Xét duyệt của Chủ tịch UBND cấp xã

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt, Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản (kèm theo hồ sơ của đối tượng) gửi Phòng LĐTBXH.

Bước 4. Thẩm định của Phòng LĐTBXH

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) quyết định TCXH cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng LĐTBXH trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 5. Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng LĐTBXH, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định TCXH hàng tháng cho đối tượng.

b) Quyết định điều chỉnh mức hưởng hoặc thôi hưởng TCXH hàng tháng

Đối tượng đang hưởng, nhưng cần điều chỉnh mức trợ cấp xã hội hoặc dừng hay thôi hưởng thì đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân liên quan có kiến nghị về việc đối tượng không còn đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng gửi Chủ tịch UBND cấp xã.

Trình tự ra quyết định điều chỉnh, thôi hưởng TCXH hàng tháng thực hiện theo quy trình tại bước 2,3, 4 và 5 tại quy trình ra quyết định TCXH.

c) *Quyết định thôi hưởng trợ cấp do đổi tượng qua đời*

Trường hợp đổi tượng đang hưởng TCXH hàng tháng nhưng bị chết, thì Chủ tịch UBND xã đề nghị Phòng LĐTBXH trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thôi hưởng TCXH hàng tháng. Đồng thời cán bộ Lao động, thương binh và xã hội cấp xã hướng dẫn hộ gia đình hoặc người đứng ra tổ chức mai tang làm thủ tục đề nghị hỗ trợ kinh phí mai tang cho đổi tượng.

d) *Chuyển chế độ chính sách khi đổi tượng thay đổi nơi cư trú*

* Thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện như sau:

Bước 1: Đổi tượng hoặc người giám hộ của đổi tượng có đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND cấp xã ở nơi cư trú mới.

Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản gửi Phòng LĐTBXH.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH có trách nhiệm thẩm định và thực hiện chi trả TCXH hàng tháng theo địa chỉ nơi cư trú mới.

* *Thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (bao gồm cả cùng trong một tỉnh hoặc hai tỉnh khác nhau) thực hiện theo quy định sau đây:*

Bước 1: Đổi tượng hoặc người giám hộ của đổi tượng có đơn đề nghị gửi Chủ tịch UBND cấp xã nơi đang hưởng TCXH hàng tháng.

Bước 2: Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản gửi Phòng LĐTBXH. Phòng LĐTBXH trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thôi chi trả TCXH hàng tháng tại nơi cư trú cũ và gửi văn bản kèm theo hồ sơ của đổi tượng đến Chủ tịch UBND cấp xã nơi cư trú mới của đổi tượng.

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ của đổi tượng, Chủ tịch UBND cấp xã nơi cư trú mới xác nhận và chuyển hồ sơ của đổi tượng đến Phòng LĐTBXH.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đổi tượng, Phòng LĐTBXH thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định TCXH hàng tháng cho đổi tượng kể từ tháng ngay sau tháng ghi trong quyết định thôi hưởng TCXH hàng tháng của Chủ tịch UBND cấp huyện nơi cư trú cũ.

2.2. HỖ TRỢ KINH PHÍ CHĂM SÓC HÀNG THÁNG

2.2.1. Đối tượng thụ hưởng

Bao gồm đối tượng được nhận chăm sóc nuôi dưỡng, đối tượng cần được bảo vệ khẩn cấp và cá nhân, hộ gia đình và tổ chức nhận chăm sóc nuôi dưỡng.

a) Đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, bao gồm:

(1) Trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng.

(2) NCT thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ, quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội nhưng có người nhận chăm sóc tại cộng đồng.

(3) Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng, NKT đặc biệt nặng.

b) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp bao gồm:

(1) Trẻ em có cả cha, mẹ bị chết, mất tích theo quy định của pháp luật mà không có người thân thích chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc người thân thích không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng;

(2) Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động cần được bảo vệ khẩn cấp trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú hoặc đưa vào cơ sở trợ giúp xã hội;

(3) Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú hoặc đưa vào cơ sở trợ giúp xã hội.

(4) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch UBND-cấp tỉnh.

=> Lưu ý: Thời gian nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tạm thời tại cộng đồng không quá 03 tháng.

c) Người đứng ra nhận nuôi dưỡng, chăm sóc

Người đứng ra nhận nuôi dưỡng chăm sóc là các cá nhân và hộ gia đình có đủ các điều kiện và trách nhiệm theo quy định. Cụ thể:

* Người nhận nuôi dưỡng cần có đủ điều kiện sau:

(1) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- (2) Tự nguyện nhận chăm sóc trẻ em.
 - (3) Có nơi ở ổn định và chỗ ở cho trẻ em được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.
 - (4) Có điều kiện về kinh tế, sức khỏe, kinh nghiệm chăm sóc trẻ em.
- (3) Đang sống cùng chồng hoặc vợ thì chồng hoặc vợ phải bảo đảm điều kiện quy định.

Trường hợp ông, bà nội ngoại, cô, dì, chú, bác, anh, chị ruột nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em không bảo đảm các điều kiện trên vẫn được xem xét hưởng chính sách.

* *Người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc có trách nhiệm sau:*

(1) Bảo đảm điều kiện để trẻ em được đi học nếu đối tượng nhận chăm sóc là trẻ em

(2) Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí cho đối tượng được nhận chăm sóc;

(3) Bảo đảm chỗ ở an toàn, vệ sinh cho đối tượng được nhận chăm sóc;

(4) Đối xử bình đẳng đối với đối tượng được nhận chăm sóc;

(5) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng có hành vi đối xử tệ bạc với đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; hoặc lợi dụng việc chăm sóc, nuôi dưỡng để trục lợi; hoặc tình trạng kinh tế hoặc lý do khác dẫn đến không còn đủ khả năng bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng; hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng thì không được tiếp tục nhận chăm sóc, nuôi dưỡng nữa.

2.2.2. Chế độ chính sách nhận nuôi dưỡng, chăm sóc

a) *Chế độ đối với đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng*

Đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng được hưởng 4 chính sách sau:

- Được TCXH hàng tháng
- Được cấp thẻ BHYT
- Được trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề
- Được hỗ trợ chi phí mai táng khi qua đời.

Riêng đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp chỉ được hỗ trợ tiền ăn trong thời gian sống tại hộ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; được hỗ trợ chi phí điều trị trong trường hợp phải điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh mà không có thẻ BHYT và hỗ trợ chi phí đưa đối tượng về nơi cư trú hoặc đến cơ sở chăm sóc xã hội.

b) Chế độ đối với người đứng ra nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

Người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc được hưởng các chế độ chính sách sau:

(1) Được hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng theo mức quy định.

(2) Được hướng dẫn, đào tạo nghiệp vụ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

(3) Được ưu tiên vay vốn, dạy nghề tạo việc làm, phát triển kinh tế hộ và chế độ ưu đãi khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Trong đó mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng cho mỗi đối tượng được tính như sau:

$$\text{Mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng} = \frac{\text{Hệ số hỗ trợ}}{\text{Mức chuẩn trợ giúp xã hội}}$$

Bảng 2.2. Hệ số hỗ trợ để tính mức hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng

Số TT	Loại đối tượng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng	Hệ số
1	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng dưới 04 tuổi	2,5
2	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng từ 04 đến dưới 16 tuổi	1,5
3	Trẻ em khuyết tật đặc biệt nặng	1,5
4	NKT đặc biệt nặng	1,5
5	NCT	1,5

[Nguồn: Nghị định 136/2013/NĐ-CP]

2.2.3. Quy trình ra quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc

Bước 1: Lập hồ sơ đề nghị

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng BTXH bao gồm:

- (i) Bản sao sổ hộ khẩu của người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc văn bản xác nhận của công an cấp xã về việc cư trú của người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng
- (ii) Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng có xác nhận đủ điều kiện của Chủ tịch UBND cấp xã theo mẫu do Bộ LĐTBXH quy định.
- (iii) Tờ khai của đối tượng được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng theo mẫu do Bộ LĐTBXH quy định.

Bước 2: Hội đồng xét duyệt thực hiện các bước xét duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội (sau đây gọi chung là Hội đồng xét duyệt) thực hiện xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 07 ngày, trừ những thông tin liên quan đến HIV của đối tượng.

Khi hết thời gian niêm yết, nếu không có khiếu nại thì Hội đồng xét duyệt bổ sung biên bản họp kết luận của Hội đồng xét duyệt vào hồ sơ của đối tượng, trình Chủ tịch UBND cấp xã.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Hội đồng xét duyệt kết luận và công khai về vấn đề khiếu nại, trình Chủ tịch UBND cấp xã.

Bước 3: Xét duyệt của Chủ tịch UBND cấp xã

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt, Chủ tịch UBND cấp xã có văn bản (kèm theo hồ sơ của đối tượng) gửi Phòng LĐTBXH.

Bước 4: Thẩm định của Phòng LĐTBXH

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) quyết định TCXH cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng LĐTBXH phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 5: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng LĐTBXH, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng người nhận nuôi dưỡng chăm sóc.

2.3. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC TRONG CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

2.3.1. Đối tượng được nuôi dưỡng chăm sóc trong cơ sở trợ giúp xã hội

a) Đối tượng được hưởng chế độ chăm sóc nuôi dưỡng

(1) Trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng, người bị nhiễm HIV/AIDS thuộc diện khó khăn không tự lo được cuộc sống và không có người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.

(2) NCT thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về NCT.

(3) Trẻ em khuyết tật, thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật.

b) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp

(1) Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động.

(2) Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú.

(3) Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch UBND-cấp tỉnh.

=>Lưu ý: Thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp tại cơ sở trợ giúp xã hội tối đa không quá 03 tháng.

2.3.2. Chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc

a) Trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng

Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trợ cấp}\text{nuôi dưỡng}\text{hàng tháng} = \text{Hệ số}\text{hỗ trợ} \times \text{Mức chuẩn}\text{trợ giúp xã hội}$$

Bảng 2.3. Hệ số hỗ trợ để tính mức hưởng trợ cấp nuôi dưỡng

Số TT	Loại đối tượng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng	Hệ số
1	Trẻ em dưới 04 tuổi	5,0
2	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc người từ đủ 60 tuổi trở lên	4,0
3	Người từ 16 tuổi đến đủ 60 tuổi	3,0

[Nguồn: Nghị định 136/2013/NĐ-CP]

b) Cấp thẻ BHYT miễn phí

c) Hỗ trợ chi phí mai táng khi chết

Mức hỗ trợ kinh phí mai tang khi chết bằng 20 lần mức chuẩn TGXH

d) Cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày

Vật dụng sinh hoạt cá nhân hàng ngày là chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, giày, dép, bàn chải đánh răng, thuốc chữa bệnh thông thường, vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ, sách, vở, đồ dùng học tập đối với đối tượng đang đi học và các chi phí khác theo quy định.

2.3.3. Quy trình xét duyệt tiếp nhận nuôi dưỡng, chăm sóc

Bước 1: Hoàn thiện hồ sơ đề nghị

Đối tượng hoặc người giám hộ có đơn và hồ sơ, giấy tờ này gửi Chủ tịch UBND cấp xã.

Bước 2. Xét duyệt của Hội đồng xét duyệt cấp xã: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng, Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 07 ngày làm việc, trừ những thông tin về HIV của đối tượng.

Hết thời gian niêm yết công khai, nếu không có khiếu nại thì Hội đồng xét duyệt bổ sung biên bản kết luận của Hội đồng xét duyệt và trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định. Trường hợp có khiếu nại trong thời gian niêm yết thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Hội đồng xét duyệt có trách nhiệm xác minh, thẩm tra, kết luận cụ thể và công khai trước nhân dân.

Bước 3. Quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội thuộc cấp xã quản lý hoặc văn bản gửi Phòng LĐTBXH.

Bước 4. Thẩm định của phòng LĐTBXH

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã, Phòng LĐTBXH thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

Bước 5. Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng LĐTBXH, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội thuộc thẩm quyền quản lý hoặc có văn bản đề nghị Giám đốc Sở LĐTBXH.

Bước 6. Quyết định của Giám đốc cơ sở chăm sóc xã hội đối với trường hợp cơ sở thuộc cấp tỉnh quản lý

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc cơ sở quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở.

Nếu đối tượng không được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ của đối tượng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.4. CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP ĐỘT XUẤT

2.4.1. Đối tượng và mức trợ giúp

2.4.1.1. Hỗ trợ lương thực

Hỗ trợ lương thực được thực hiện đối với các hộ gia đình thiểu đói trong các dịp Tết âm lịch và các hộ gia đình thiểu đói trong và sau khi diễn ra thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, giáp hạt hoặc các lý do bất khả kháng khác. Mức hỗ trợ 15 kg gạo/người đói với tất cả thành viên hộ gia đình. Trong đó dịp Tết Âm lịch chỉ hỗ trợ 1 tháng và không quá 03 tháng đối với các hộ thiểu đói trong và sau thiên tai, hỏa hoạn, mất mùa, giáp hạt hoặc lý do bất khả kháng khác.

2.4.1.2. Hỗ trợ người bị thương nặng

Đối với người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú hoặc ngoài nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, tương đương 2.700.000 đồng.

2.4.1.3 Hỗ trợ chi phí mai tang

Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (tương đương 5.400.000 đồng).

2.4.1.4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối đa không quá 20.000.000 đồng/hộ.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác mà không ở

được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ.

2.4.2. Quy trình xét duyệt và tổ chức thực hiện

Quy trình thực hiện các chế độ chính sách trợ giúp đột xuất được thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1. Trưởng thôn lập danh sách về nhu cầu

Trưởng thôn, bản, phum, sóc, ấp, cụm, khóm, tổ dân phố (sau đây gọi chung là Trưởng thôn) lập danh sách hộ gia đình và số người trong hộ gia đình thiếu đói cần hỗ trợ theo mẫu quy định.

Bước 2. Họp xét duyệt của cấp thôn

Trưởng thôn chủ trì họp với đại diện của các tổ chức có liên quan trong thôn để bình xét hộ gia đình, số người trong hộ gia đình thiếu đói gửi Chủ tịch UBND-cấp xã.

Bước 3. Xét duyệt của Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Trưởng thôn, Hội đồng xét duyệt thống nhất danh sách hộ gia đình và số người thiếu đói, trình Chủ tịch UBNDcấp xã quyết định.

Bước 4. Quyết định của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã

Chủ tịch UBNDcấp xã quyết định cứu trợ ngay những trường hợp cấp thiết. Trường hợp thiếu nguồn lực thì có văn bản đề nghị trợ giúp gửi Phòng LĐTBXH.

Bước 5. Thẩm định của Phòng LĐTBXH

Phòng LĐTBXH thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ.

Bước 6. Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện

Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ. Trong những trường hợp thiếu nguồn lực thì có văn bản đề nghị trợ giúp gửi Sở LĐTBXH, Sở Tài chính. Sở LĐTBXH chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, trình Chủ tịch UBNDcấp tỉnh xem xét, quyết định. Trường hợp thiếu nguồn lực, Chủ tịch UBNDcấp tỉnh có văn bản gửi Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính. Bộ LĐTBXH chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.Khi nhận được hỗ trợ, Chủ

tịch UBND các cấp tổ chức thực hiện ngay việc trợ giúp cho đối tượng bảo đảm đúng quy định.

Bước 7: Tổng hợp báo cáo

Kết thúc mỗi đợt hỗ trợ, UBND các cấp có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả hỗ trợ.

2.5. CHI TRẢ CHÍNH SÁCH VÀ PHẢN HỒI THÔNG TIN

2.5.1. Chi trả chính sách

Chế độ chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện chi trả trực tiếp hàng tháng cho đối tượng thụ hưởng thông qua một trong hai hình thức là: (i) Cán bộ lao động, thương binh và xã hội trực tiếp chi cho đối tượng hoặc (ii) nhân viên bưu điện trực tiếp chi cho đối tượng.

Tùy điều kiện tình hình cụ thể Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phương thức thực hiện chi trả. Cho đến thời điểm hiện nay hầu như toàn quốc đã thực hiện chi trả thông qua cơ quan Bưu điện. Theo phương thức này thì Bưu điện lập danh sách chi trả tại điểm giao dịch gần nơi đối tượng cư trú (thuận tiện cho đối tượng đến nhận tiền) và chuyển danh sách đối tượng cho các điểm giao dịch trên địa bàn xã, phường, thị trấn được phân công chi trả. Đồng thời thông báo cho đối tượng đăng ký nhận tiền tại điểm giao dịch của Bưu điện hoặc nhận tiền tại nhà.

Định kỳ từ 5 đến 15 hàng tháng, đối tượng đến điểm giao dịch bưu điện nhận tiền chính sách. Đối với những trường hợp đối tượng không đến được thì nhân viên bưu điện sẽ chuyển tiền đến nơi ở cho đối tượng.

Các điểm giao dịch thực hiện chi trả và yêu cầu đối tượng nhận tiền hoặc người được ủy quyền nhận tiền ký nhận và ghi rõ họ và tên vào danh sách chi trả; đồng thời, cán bộ chi trả ký xác nhận vào Sổ theo dõi lĩnh tiền trợ cấp của đối tượng. Trong trường hợp người nhận tiền không có khả năng ký nhận thì dùng ngón tay để điểm chỉ.

Trường hợp hộ gia đình không đến lĩnh tiền trợ cấp hoặc trường hợp cán bộ đến chi trả tại nhà nhưng không có người nhận, cán bộ chi trả nộp lại số kinh phí chưa chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả để chuyển trả vào tháng sau.

Trường hợp 2 tháng liên tục, đối tượng không nhận tiền, cán bộ chi trả có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã tìm hiểu nguyên nhân. Nếu do đối tượng chết, mất tích hoặc chuyển khỏi địa bàn, tổ chức dịch vụ chi trả có trách nhiệm thông báo cho UBND cấp xã và Phòng LĐTBXH biết để làm các thủ tục cắt trợ cấp hoặc tạm dừng chi trả trợ cấp theo quy định.

2.5.2. Phản hồi thông tin

Trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách thông thường xảy ra các tình huống là:

- (i) Quá trình xét duyệt chậm so với thời gian quy định
- (ii) Đối tượng không nhận được chính sách
- (iii) Chế độ chính sách không đúng
- (iv) Tiền trợ cấp chậm
- (v) Một số tình huống khác

Nếu có những tình huống này xảy ra, hoặc cho sự chưa thỏa mãn của người đề nghị chính sách đối với các cơ quan thực hiện chính sách ở địa phương thì đối tượng đề nghị chính sách có thể kiến nghị đề xuất bằng các hình thức:

- (i) Trực tiếp hoặc gửi đơn thư đến cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp
- (ii) Phản ánh thông tin đến các cơ quan tổ chức truyền thông
- (iii) Gửi đơn đến cơ quan thanh tra

Khi có thông tin phản hồi về tình hình thực hiện chế độ chính sách cho đối tượng chưa đúng, chưa phù hợp thì cơ quan Lao động- Thương binh và Xã hội theo phân cấp và phân quyền có trách nhiệm nghiên cứu, xử lý các ý kiến phản hồi của đối tượng và của người dân.



PHẦN 3. XÁC ĐỊNH NGƯỜI KHUYẾT TẬT

3.1. KHÁI NIỆM NGƯỜI KHUYẾT TẬT, DẠNG KHUYẾT TẬT, MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT

3.1.1. Khái niệm người khuyết tật

NKT là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

Theo khái niệm này thì người khuyết tật phải bảo đảm có đầy đủ 3 điều kiện là: (i) Phải có khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc suy giảm chức năng; (ii) khiếm khuyết hoặc suy giảm chức năng phải được biểu hiện dưới các dạng tật và (iii) lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.

3.1.2. Dạng khuyết tật

Theo quy định Luật Người khuyết tật thì dạng khuyết tật được chia thành 6 dạng khuyết tật như sau:

3.1.2.1. Khuyết tật vận động

Khuyết tật vận động là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

3.1.2.2. Khuyết tật nghe, nói

Khuyết tật nghe, nói là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

3.1.2.3. Khuyết tật nhìn

Khuyết tật nhìn là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

3.1.2.4. Khuyết tật thần kinh, tâm thần

Khuyết tật thần kinh tâm thần là tình trạng rối loạn tri giác, trí nhớ, cảm xúc, kiểm soát hành vi, suy nghĩ và có biểu hiện với những lời nói, hành động bất thường.

3.1.2.5. Khuyết tật trí tuệ

Khuyết tật trí tuệ là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhận thức, tư duy biểu hiện bằng việc chậm hoặc không thể suy nghĩ, phân tích về sự vật, hiện tượng, giải quyết sự việc.

3.1.2.6. Khuyết tật khác

Khuyết tật khác là tình trạng giảm hoặc mất những chức năng cơ thể khiến cho hoạt động lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn mà không thuộc các trường hợp trên.

3.1.3. Mức độ khuyết tật

Theo quy định Luật Người khuyết tật thì mức độ khuyết tật được chia thành 3 mức độ như sau:

3.1.3.1. NKT đặc biệt nặng

NKT đặc biệt nặng là người do khuyết tật dẫn đến mất hoàn toàn chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được các hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc hoàn toàn.

3.1.3.2. NKT nặng

NKT nặng là người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

3.1.2.3 NKT nhẹ

NKT nhẹ là NKT không thuộc trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng và khuyết tật nặng.

3.2. XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT TẬT

3.2.1. Mục đích xác định mức độ khuyết tật

Mục đích của xác định mức độ khuyết tật nhằm xác định dạng tật, mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật cho NKT từ đó có căn cứ để thực hiện các chế độ chính sách và bảo đảm quyền, lợi ích của NKT.

3.2.2. Trách nhiệm thực hiện

Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cấp giấy xác nhận khuyết tật cho NKT cư trú trên địa bàn. Hội đồng xác định mức độ khuyết tật xã, phường, thị trấn (XĐMĐKT) thực hiện hiện xác định mức độ khuyết tật và trình Chủ tịch UBND cấp xã.

Trường hợp Hội đồng XĐMĐKT cấp xã không đưa ra được kết luận, NKT hoặc đại diện NKT không đồng ý với kết luận của Hội đồng hoặc có bằng chứng về việc Hội đồng làm việc không khách quan, không chính xác thì chuyển Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh thực hiện.

3.2.3. Thủ tục xác nhận mức độ khuyết tật

Bước 1. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị

Khi NKT muốn được xác định mức độ khuyết tật và cấp giấy xác định mức độ khuyết tật thì gửi đơn theo mẫu và các giấy tờ liên quan cho Chủ tịch UBND cấp xã nơi người đó cư trú. Khi nộp hồ sơ NKT phải xuất trình chứng minh thư hoặc hộ khẩu cho cán bộ tiếp nhận. Cán Bộ LĐTBXH tiếp nhận đơn, hồ sơ. Kiểm tra và hướng dẫn người nộp hồ sơ hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 2. Hội đồng XĐMĐKT thực hiện các bước xác định mức độ khuyết tật

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, chủ tịch UBND cấp xã triệu tập Hội đồng XĐMĐKT, gửi thông báo về thời gian XĐMĐKT cho NKT. Địa điểm xác định mức độ khuyết tật tại trụ sở UBND hoặc trạm y tế cấp xã hoặc tại nơi cư trú của NKT (trong trường hợp NKT không thể đến được địa điểm quy định). Hội đồng XĐMĐKT thực hiện các bước xác định dạng tật và đánh giá mức độ khuyết tật theo phương pháp và nội dung luật định.

Bước 3 Cấp giấy xác nhận khuyết tật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, Chủ tịch UBND cấp xã niêm yết và thông báo công khai kết luận mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật cho NKT. Giấy xác nhận khuyết tật ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ, dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật. Giấy xác nhận khuyết tật có hiệu lực từ ngày Chủ tịch UBND cấp xã ký. Nếu hư hỏng không sử dụng được, trẻ từ đủ 6 tuổi trở lên thì được cấp đổi. Nếu có sự thay đổi dạng tật, mức độ khuyết tật hoặc mất giấy thì thực hiện quy trình đề nghị cấp lại giấy xác nhận khuyết tật.



PHẦN 4. XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Câu hỏi 1

Cháu Nguyễn Thị An, sinh ngày 1/4/2011, ngày 15/2/2018 cơ sở y tế phát hiện cháu bị nhiễm HIV, gia đình cháu thuộc diện hộ nghèo, vậy cháu An có được hưởng chính sách trợ cấp xã hội không, nếu được hưởng thì mức hưởng bao nhiêu?

41

Trả lời

Theo quy định hiện hành thì trẻ em bị nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo mà không có trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng khác thì thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất là 540.000 đồng (bằng 2 lần mức chuẩn trợ cấp xã hội). Thời điểm được hưởng trợ cấp xã hội từ tháng chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký quyết định hưởng trợ cấp cho cháu An.

Câu hỏi 2

Nguyễn Anh Dũng, sinh năm 2000, năm 2017 bị nhiễm HIV. Hiện Dũng sức khỏe yếu, không lao động kiếm sống được. Ủy ban nhân dân xã có quyết định công nhận hộ gia đình nhà Dũng thuộc diện hộ nghèo từ tháng 1 năm 2019. Vậy Dũng có được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng không? Nếu được thì mức hưởng là bao nhiêu và được hưởng từ thời điểm nào?

Trả lời

Theo quy định thì trẻ em nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo, người bị nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo không có khả năng lao động, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng thì thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Như vậy, Dũng sẽ thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội và mức trợ cấp hàng tháng là 405.000 đồng (bằng 1,5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội). Thời điểm hưởng trợ cấp xã hội từ tháng chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hưởng trợ cấp xã hội cho Dũng.

Câu hỏi 3

Cháu Vi Hồng Hằng sinh năm 2013, mồ côi cha, mẹ cháu đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc. Hiện cháu đang được ông bà ngoại nuôi dưỡng chăm sóc. Vậy Cháu Hằng có được hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng không và ông bà ngoại cháu có được hưởng chính sách gì không?

Trả lời

Theo quy định thì trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội và hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người đang nhận chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em đó. Như vậy cháu Hằng thuộc diện hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng với mức là 405.000 đồng (hệ số 1,5). Đồng thời, ông bà ngoại cháu thuộc diện được xem xét hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng trong thời gian nuôi dưỡng và chăm sóc cháu.

Câu hỏi 4

Ông Nguyễn Văn A năm nay 82 tuổi đang được hưởng tuất liệt sĩ. Ngoài khoản tuất liệt sĩ, ông không có thêm một khoản thu nhập nào khác. Ông có được hưởng chế độ chính sách đối với người cao tuổi không?

Trả lời

Theo quy định của Luật Người cao tuổi thì những trường hợp người từ đủ 80 tuổi có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội), trợ cấp xã hội khác thì không được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội nữa. Người từ đủ 80 tuổi đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng hoặc trợ cấp tuất liệt sĩ vẫn thuộc diện được hưởng chính sách bảo trợ xã hội. Như vậy, ông A được hưởng đồng thời tuất liệt sỹ và trợ cấp xã hội hàng tháng.

Câu hỏi 5

Bà Phạm Thị B năm nay 84 tuổi đang hưởng lương hưu và trợ cấp tuất liệt sỹ của chồng. Vậy, bà B có được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi trên 80 tuổi không?

Trả lời

Theo quy định thì những người cao tuổi từ đủ 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội), trợ cấp xã hội khác mới thuộc diện được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên. Hiện Bà Phạm Thị B đang hưởng lương hưu, do vậy bà không thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người từ đủ 80 tuổi nữa.

Câu hỏi 6

Ông Lê Văn P, 62 tuổi thuộc hộ nghèo; có 2 người con gái, một người đã đi lấy chồng và tách khẩu, người còn lại đang là sinh viên thì ông P có được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội đối với người cao tuổi không?

Trả lời

45

Khoản 2 Điều 18 Luật Người cao tuổi quy định người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, có nguyện vọng vào sống tại cơ sở bảo trợ xã hội thì được xem xét tiếp nhận vào các cơ sở bảo trợ xã hội. Đối với trường hợp của ông P có hai con là những người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng. Do vậy, ông P không thuộc diện được hưởng các chế độ chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.

Câu hỏi 7

Bà Phạm Ngọc M, 92 tuổi đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi từ đủ 80 tuổi là 270.000 đồng. Năm 2018, con trai bà mất và bà M được hưởng tiền tuất BHXH hàng tháng. Ngay sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã có quyết định cắt trợ cấp xã hội hàng tháng của bà M. Như thế có đúng với quy định của pháp luật không?

Trả lời

Theo quy định thì những người cao tuổi từ đủ 80 tuổi không có lương hưu, không có trợ cấp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội), trợ cấp xã hội khác mới thuộc diện được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội. Do vậy, khi bà M được hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội hàng tháng rồi thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người từ đủ 80 tuổi. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có Quyết định cắt trợ cấp xã hội hàng tháng của bà M là đúng với quy định hiện hành.

Câu hỏi 8

Bà Hoàng Thị Y, 59 tuổi, độc thân, có giấy xác nhận khuyết tật và đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng. Tháng 3/2015 bà Y đủ 60 tuổi và là người cao tuổi nghèo, không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng. Vậy bà Y có được hưởng thêm trợ cấp xã hội đối với người cao tuổi nghèo, không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng không?

Trả lời

Bà Y đã và đang hưởng trợ cấp đối với người khuyết tật, do vậy khi bà Y đủ 60 tuổi sẽ không được hưởng thêm chế độ trợ cấp đối với người cao tuổi nghèo không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng nữa. Nhưng đến khi Bà Y đủ 60 tuổi thì sẽ được hưởng mức trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, mức cao hơn mức bà đang hưởng.

Câu hỏi 9

Cháu là Đỗ Phương Anh, 14 tuổi, bố mẹ bỏ nhau 10 năm và mẹ cháu đã đi lấy chồng, bỗ lại tâm thần đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật. Hoàn cảnh của cháu như vậy có được hưởng trợ xã hội hàng tháng không?

Trả lời

: Theo quy định hiện hành thì bố mẹ li hôn vẫn phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con. Vậy, cháu Anh có mẹ khỏe mạnh thì không thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

Câu hỏi 10

Bà Đinh Thị Kim ở Bình Định, sinh năm 1983, bị thiểu năng trí tuệ, Hội đồng giám định y khoa tỉnh đã chứng nhận bà bị tâm thần mãn tính, mất 85% sức khỏe, bản thân không làm gì được, không có việc làm, thu nhập thì có được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng không?

Trả lời

Theo quy định hiện hành thì người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng là người khuyết tật nặng; khuyết tật đặc biệt nặng và gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người đó. Để được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thì người khuyết tật phải được xác định khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật. Kết luận của hội đồng giám định y khoa là một trong những căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật. Trường hợp bà Đinh Thị Kim cần có đơn và hồ sơ gửi Ủy ban nhân cấp xã làm thủ tục xác nhận mức độ khuyết tật. Nếu xếp vào nhóm khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng thì được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật.

Câu hỏi 11

Bà Nguyễn Thị A, 82 tuổi, từ tháng 9 năm 2014 mới làm hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Như vậy, bà A được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng từ thời điểm nào?

Trả lời

Theo quy định hiện hành thì thời gian tính hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người từ đủ 80 tuổi là từ thời điểm người đó đủ 80 tuổi. Do vậy, bà Nguyễn Thị A được hưởng trợ cấp xã hội từ thời điểm bà đủ 80 tuổi. Đến tháng 9/2014 bà mới làm hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng thì bà được truy lĩnh tiền trợ cấp xã hội.

Câu hỏi 12

Bà Lê Thị Chất ở Hà Nội hỏi con gái bà bị thiểu năng trí tuệ, đặt đâu nǎm đấy phải có người chăm sóc nhưng hưởng chế độ tuất bảo hiểm xã hội thì có được hưởng thêm trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng nữa hay không?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 51 Luật Người khuyết tật hiện hành thì người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thì không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và vẫn được hưởng các chế độ khác đối với người khuyết tật nếu pháp luật về người có công với cách mạng hoặc pháp luật về bảo hiểm xã hội chưa quy định. Như vậy trường hợp con gái bà Lê Thị Chất đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội, thì không được hưởng trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật.

Câu hỏi 13

Em Nguyễn Văn A, 9 tuổi sống tại thành phố Cần Thơ, cha chết, mẹ có chồng khác không còn cư ngụ ở địa phương, không chăm sóc; Ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc từ khi mẹ bỏ đi đến nay. Em A có thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội đối với trẻ em mồ côi không?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội thì trường hợp em A không thuộc đối tượng được hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đối với trẻ em mồ côi.

Câu hỏi 14

Ông Nguyễn Văn Thìn, 65 tuổi, vợ chết sống một mình, thường đau yếu, không có nguồn thu nhập, ông có 2 người con trai đã có gia đình riêng sống cùng xã đều thuộc diện hộ nghèo, không thể nào giúp đỡ được ông. Vậy ông có được hưởng trợ cấp đối với người cao tuổi nghèo, cô đơn, không nơi nương tựa?

Trả lời

Theo quy định thì người cao tuổi có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng thì không thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Ông Thìn có hai con trai là những người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng ông Thìn. Do vậy, ông Thìn không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi.

Câu hỏi 15

Ông Đỗ Đình Thái ở TP Hồ Chí Minh, 62 tuổi bị khuyết tật thì có được hưởng chế độ trợ cấp nào không?
Nếu có, thì thủ tục làm như thế nào?

Trả lời

Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Như vậy nếu ông Đỗ Đình Thái được cấp giấy xác nhận mức độ khuyết tật nặng, đặc biệt nặng thì được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Để được hưởng trợ cấp xã hội liên lạc với cán bộ phụ trách công tác lao động xã hội của xã, phường để được hướng dẫn làm hồ sơ.

Câu hỏi 16

Ông Nguyễn Văn A là người khuyết tật đặc biệt nặng, hiện ông đang công tác tại hội người mù và hưởng lương hàng tháng từ ngân sách nhà nước thì ông có được hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người khuyết tật không? Nếu ông A vừa được hưởng trợ cấp hàng tháng đối với người khuyết tật vừa được hưởng lương từ ngân sách nhà nước thì khi ông chết mai táng phí được giải quyết như thế nào?

Trả lời

Theo quy định thì chỉ người khuyết tật đang hưởng lương hưu hoặc chế độ Bảo hiểm xã hội, chế độ ưu đãi người có công hàng tháng thì mới không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật. Người khuyết tật đặc biệt nặng, khuyết tật nặng đang đi làm và có tiền lương, tiền công thì vẫn được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, nhưng nếu chết thì chỉ được hưởng một chế độ mai táng phí (chi phí mai táng) ở mức cao nhất.

Câu hỏi 17

Bà Nguyễn Thị Bé ở Nghệ An có hỏi bị khuyết tật đặc biệt nặng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật, tháng 10 năm 2013 bố bà mất thì chủ tịch UBND huyện có quyết định cắt trợ cấp xã hội và chuyển sang chế độ trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội, như vậy có đúng không?

Trả lời

Theo quy định hiện hành thì người khuyết tật đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng thì không hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và vẫn được hưởng các chế độ khác đối với người khuyết tật nếu pháp luật về người có công với cách mạng hoặc pháp luật về bảo hiểm xã hội chưa quy định. (Quy định tại Điều 51 Luật người khuyết tật). Trường hợp bà Bé đang hưởng trợ cấp xã hội nhưng có trợ cấp tuất từ tháng 10/2013 nên Chủ tịch UBND huyện có quyết định cắt trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật là đúng quy định.

Câu hỏi 18

Đối tượng đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên tại cộng đồng ở một tỉnh khi chuyển hộ khẩu thường trú đi tỉnh khác có bắt buộc phải chuyển hồ sơ đến nơi có hộ khẩu mới không? Đối tượng đã chuyển hộ khẩu thường trú đi tỉnh khác, nếu chưa chuyển hồ sơ đến tỉnh mới, có được ủy quyền cho thân nhân nhận trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng tại địa phương đang hưởng hay không?

Trả lời

Đối tượng đang hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên tại cộng đồng khi chuyển hộ khẩu thường trú đi tỉnh khác thì phải chuyển hồ sơ đến nơi có hộ khẩu mới theo quy định hiện hành. Đối với đối tượng đã chuyển hộ khẩu thường trú đi tỉnh khác thì không còn là đối tượng quản lý của Ủy ban nhân dân nơi đối tượng đã có hộ khẩu thường trú nữa, đối tượng này không còn đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng. Trường hợp này cũng không được ủy quyền cho thân nhân nhận trợ cấp bảo trợ xã hội tại nơi cư trú cũ.

Câu hỏi 19

Bà Phạm Thị B năm nay 84 tuổi có lương hưu và trợ cấp tuất liệt sỹ của chồng. Vậy bà B có được trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người cao tuổi không?

Trả lời

Theo quy định thì những người cao tuổi từ đủ 80 tuổi không có lương hưu, không có trợ cấp bảo hiểm xã hội (bao gồm cả trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội), trợ cấp xã hội khác mới thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội. Hiện nay bà B đang hưởng lương hưu và trợ cấp tuất liệt sỹ của chồng, do vậy bà không thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội đối với người từ đủ 80 tuổi theo quy định.



PHẦN 5. MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CHÍNH SÁCH

1. MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Mẫu số 1a: Sử dụng đối với trường hợp trẻ em mất nguồn nuôi dưỡng

Mẫu số 1b: Sử dụng đối với trẻ em, người bị nhiễm HIV/AIDS

Mẫu số 1c: Sử dụng đối với người đơn thân nghèo đang nuôi con

Mẫu số 1d: Sử dụng đối với người cao tuổi

Mẫu số 1đ: Sử dụng đối với trẻ em khuyết tật, người khuyết tật

2. MẪU TỜ KHAI DÀNH CHO NGƯỜI NHẬN NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC

Mẫu số 2: Sử dụng đối với người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc

Mẫu số 3: Sử dụng đối với hộ gia đình có người khuyết tật

Mẫu số 4: Tờ khai của người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

3. MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP ĐỘT XUẤT

Mẫu số 5: Tờ khai đề nghị hỗ trợ mai táng

Mẫu số 6: Tờ khai đề nghị đối với hộ đề nghị hỗ trợ nhà ở

Mẫu số 1a: Sử dụng đối với trường hợp trẻ mất nguồn nuôi dưỡng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

Phần 1. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số.....Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:

2. Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Tình trạng đi học

Chưa đi học (Lý do:.....)

Đã nghỉ học (Lý do:)

Đang đi học(Ghi cụ thể):

4. Có thẻ BHYT không?

Không

Có

5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng/.....

6. Thuộc hộ nghèo không? Không Có

7. Có khuyết tật không?

Không

Có (*Dạng tật Mức độ khuyết tật*)

8. Thông tin về mẹ của đối tượng:

9. Thông tin về cha của đối tượng:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Thông tin người khai thay

Giấy CMND số:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Quan hệ với đối tượng:.....

Địa chỉ:

Người khai

*(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải
ghi đầy đủ thông tin người khai thay)*

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:

đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của

và họp ngàytháng.....năm.....thống nhất kết luận như sau (*Ghi cụ thể diện chính
sách, chế độ hưởng, thời gian*):

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng theo quy định./.

Ngày tháng năm 20.....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 1b: Sử dụng đối với trẻ em, người bị nhiễm HIV/AIDS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 5

Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

57

Phần 1. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:...../...../..... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:

2. Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Tình trạng đi học

Chưa đi học (*Lý do:.....*)

Đã nghỉ học (*Lý do:*)

Đang đi học(*Ghi cụ thể:*)

4. Có thẻ BHYT không? Không Có

5. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Trợ cấp BHXH hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/.....

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng: đồng. Hưởng từ tháng/.....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác: đồng. Hưởng từ tháng/.....

6. Thuộc hộ nghèo không?

Không

Có

7. Thời điểm phát hiện nhiễm HIV.....

8. Có khuyết tật không?

Không

Có (*Dạng tật Mức độ khuyết tật*)

9. Khả năng tham gia lao động (*Ghi cụ thể*).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Thông tin người khai thay

Giấy CMND số:

Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

Người khai

*(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải
ghi đầy đủ thông tin người khai thay)*

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:

đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của

và họp ngàytháng.....năm.....thống nhất kết luận như sau (*Ghi cụ thể diện chính
sách, chế độ hưởng, thời gian*):
.....

..... Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho
đối tượng theo quy định./.

Ngàythángnăm 20...

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 1c: Sử dụng đối với người đơn thân nghèo đang nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

59

Phần 1. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số.....Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:

2. Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Có thẻ BHYT không? Không Có

4. Thuộc hộ nghèo không? Không Có

5. Tình trạng hôn nhân? (*Ghi rõ: Không có chồng/vợ; có chồng/vợ đã chết hoặc mất tích theo quy định*)

6. Số con đang nuôi..... người.

Trong đó dưới 16 tuổingười; từ 16 đến 22 tuổi đang học phổ thông, học nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học..... người.

7. Thông tin về con thứ nhất (*Ghi cụ thể họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi ở, tình trạng đi học, chế độ chính sách đang hưởng*).....

.....

8. Thông tin con thứ hai trở đi (*Khai đầy đủ thông tin như con thứ nhất*).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

7. Thời điểm phát hiện nhiễm HIV.....

8. Có khuyết tật không?

Không

Có (*Dạng tật Mức độ khuyết tật*)

9. Khả năng tham gia lao động (*Ghi cụ thể*).....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Thông tin người khai thay

Giấy CMND số:

Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

Người khai

*(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải
ghi đầy đủ thông tin người khai thay)*

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:

đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của

và họp ngàytháng.....năm.....thống nhất kết luận như sau (*Ghi cụ thể diện chính
sách, chế độ hưởng, thời gian*):
.....

..... Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho
đối tượng theo quy định./.

Ngày tháng năm 20...

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 1d: Sử dụng đối với người cao tuổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

61

Phần 1. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính:..... Dân tộc:

Giấy CMND số..... Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:

2. Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Có thẻ BHYT không? Không Có

4. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....

5. Thuộc hộ nghèo không? Không Có

6. Có khuyết tật không?

Không

Có (*Dạng tậtMức độ khuyết tật.....*)

7. Tình trạng hôn nhân? (*Ghi rõ: Không có chồng/vợ; có chồng/vợ đã chết hoặc mất tích theo quy định*)

b) Nếu không thì ghi lý do:

9. Tình trạng hôn nhân:.....

10. Số con (Nếu có):.....người. Trong đó, dưới 36 tháng tuổi:.....người.

11. Khả năng tự phục vụ?

12. Cá nhân/hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng :.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không
đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Thông tin người khai thay

Người khai

Giấy CMND số:

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay

Ngày cấp:

phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Nơi cấp:

Quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:

đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của

và họp ngày tháng.....năm.....thống nhất kết luận như sau (Ghi cụ thể diện
chính sách, chế độ hưởng, thời gian):

.....
Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng
theo quy định./.

Ngày tháng năm 20...

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 1d: Sử dụng đối với trẻ em khuyết tật, người khuyết tật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ TRỢ GIÚP XÃ HỘI

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

63

Phần 1. THÔNG TIN CỦA ĐỐI TƯỢNG

1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính:..... Dân tộc:

Giấy CMND số..... Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:

2. Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Có thẻ BHYT không? Không Có

4. Đang hưởng chế độ nào sau đây:

Lương hưu/Trợ cấp BHXH hàng tháng:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng:đồng. Hưởng từ tháng...../.....

Trợ cấp, phụ cấp hàng tháng khác:.....đồng. Hưởng từ tháng...../.....

5. Thuộc hộ nghèo không? Không Có

6. Có khuyết tật không?

Không

Có (*Dạng tậtMức độ khuyết tật.....*)

7. Tình trạng hôn nhân? (*Ghi rõ: Không có chồng/vợ; có chồng/vợ đã chết hoặc mất tích theo quy định*)

b) Nếu không thì ghi lý do:

9. Tình trạng hôn nhân:.....

10. Số con (Nếu có):.....người. Trong đó, dưới 36 tháng tuổi:.....người.

11. Khả năng tự phục vụ?

12. Cá nhân/hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng :.....

.....
Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Thông tin người khai thay

Giấy CMND số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay

phải ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:

đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của

và họp ngày tháng.....năm.....thống nhất kết luận như sau (Ghi cụ thể diện
chính sách, chế độ hưởng, thời gian):

.....
Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng
theo quy định./.

Ngày tháng năm 20...

THƯ KÝ

CHỦ TỊCH

Mẫu số 2: Tờ khai nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI NHẬN CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

Phần 1. THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NHẬN CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

65

1. Thông tin về hộ

1.1. Họ và tên chủ hộ (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../..... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số..... Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:.....

1.2. Nơi đăng ký thường trú của hộ:.....

Nơi ở hiện nay của hộ (*Ghi rõ địa chỉ*)

1.3. Có thuộc hộ nghèo không? Có Không

1.4. Nhà ở (*Ghi cụ thể loại nhà ở kiên cố, bán kiên cố, nhà tạm; thuộc sở hữu của hộ, nhà thuê, ở nhờ*):.....

1.5. Thu nhập của hộ trong 12 tháng qua:

2. Thông tin về người đứng ra nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng

2.1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../..... Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số Cấp ngày/..../.... Nơi cấp:

Nơi ở hiện nay:

2.2. Kinh nghiệm, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng (*Ghi cụ thể*):

2.3. Có khuyết tật không? Không Có (*Dạng tật*

Mức độ khuyết tật)

2.4. Tình trạng hôn nhân:.....

2.5. Có mắc bệnh mạn tính không? Không Có (Ghi bệnh)

2.6. Có bị kết án tù, xử phạt vi phạm hành chính (Nếu có ghi cụ thể hình thức, thời gian):
.....

3. Thông tin về vợ hoặc chồng của người đứng ra nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng

3.1. Họ và tên (Viết chữ in hoa):

Ngày/tháng/năm sinh:// Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số Cấp ngày...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi ở hiện nay:.....

3.2. Kinh nghiệm, kỹ năng chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng (Ghi cụ thể):

3.3. Có khuyết tật không? Không Có (Dạng tật)

Mức độ khuyết tật)

3.4. Có mắc bệnh mạn tính không? Không Có (Ghi bệnh.....)

1.5. Có bị kết án tù, xử phạt vi phạm hành chính (Nếu có ghi cụ thể hình thức, thời gian):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của và họp ngày tháng.....năm.....thống nhất kết luận như sau (Ghi cụ thể diện chính sách, chế độ hưởng, thời gian):

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng theo quy định./.

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngàythángnăm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....xác nhận hộ gia đình/cá nhân
Ông (bà)có đủ điều kiện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối
tượng bảo trợ xã hội theo quy định./.

Ngàythángnăm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 3: Tờ khai dành cho hộ gia đình có người khuyết tật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI HỘ GIA ĐÌNH CÓ NGƯỜI KHUYẾT TẬT

Phần 1. THÔNG TIN CỦA HỘ GIA ĐÌNH

1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính: Dân tộc:

Giấy CMND số..... Cấp ngày/...../..... Nơi cấp:

2. Hộ khẩu thường trú:

Hiện đang ở với ai và địa chỉ nơi ở?

3. Số người trong hộ: người (*Trong đó người khuyết tật người*).

Cụ thể:

- Khuyết tật đặc biệt nặng người (*Đang sống tại hộ.....người*)

- Khuyết tật nặng người (*Đang sống tại hộngười*)

- Khuyết tật nhẹ người (*Đang sống tại hộngười*)

4. Hộ có thuộc diện nghèo không?

Không Có

5. Nhà ở (*Ghi cụ thể loại nhà ở kiên cố, bán kiên cố, nhà tạm*):

6. Có ai trong hộ đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội không? (*Nếu có ghi cụ thể họ tên, lý do, thời gian hưởng*):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Thông tin người khai thay

Giấy CMND số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Quan hệ với đối tượng:

Địa chỉ:

Ngày..... tháng năm 20.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai
thay phải ghi đầy đủ thông tin người
khai thay)

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn: đã xem xét hồ sơ,
xác minh thông tin cá nhân của và họp ngày tháng.....năm.....
thống nhất kết luận như sau (*Ghi cụ thể diện chính sách, chế độ hưởng, thời gian*):

.....
.....

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng theo
quy định./.

Ngày tháng năm 20.....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu)

Mẫu số 4: Đơn của người nhận chăm sóc nuôi dưỡng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN CỦA NGƯỜI NHẬN CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

Kính gửi:.....

Tên tôi là:

Hiện đang cư trú tại

Xét thấy bản thân và gia đình đủ điều kiện nhận chăm sóc, nuôi dưỡng ông/bà/cháu..... sinh ngày tháng năm

Tôi làm đơn này đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn xem xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh cho phép gia đình và tôi được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng ông/bà/cháu

Tôi xin cam đoan sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng theo đúng quy định.

Ngày..... tháng năm 20.....

Ý kiến của người giám hộ hoặc đối tượng

Người viết đơn

được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn..... xác nhận đơn đề nghị của ông (bà)..... nêu trên là đúng.

Ngày..... tháng năm 20.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 5: Tờ khai đề nghị hỗ trợ chi phí mai táng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

71

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHẾT ĐƯỢC MAI TÁNG (Nếu có)

1.1. Họ và tên (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh:/...../ Giới tính: Dân tộc:

1.2. Hộ khẩu thường trú:

1.3. Ngàythángnămchết

1.4. Nguyên nhân chết

1.5. Thời gian mai táng

1.6. Địa điểm mai táng

II. THÔNG TIN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỨNG RA MAI TÁNG CHO NGƯỜI CHẾT

2. 1. Trường hợp cơ quan, tổ chức đứng ra mai táng

2.1.1. Tên cơ quan, tổ chức.....

- Địa chỉ:.....

2.1.2. Họ và tên người đại diện cơ quan:

- Chức vụ:

2.2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đứng ra mai táng

2.2.1. Họ và tên (*Chủ hộ hoặc người đại diện*):

Ngày/tháng/năm sinh:...../...../

Giấy CMND số: Cấp ngày Nơi cấp

2.2.2. Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở:

2.2.3. Quan hệ với người chết:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có điều gì khai không đúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên. Nếu cơ quan, tổ chức thì ký, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

UBND xã, phường, thị trấnxác nhận cơ quan/tổ chức/gia đình/cá nhân.....đã tổ chức mai táng cho người chết theo như kê khai thông tin của trên là đúng. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định.

Ngày..... tháng năm 20.....

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 6: Tờ khai đề nghị hỗ trợ về nhà ở

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỀ NHÀ Ở

(Áp dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 15 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP)

I. KÊ KHAI CỦA HỘ GIA ĐÌNH

1. Họ và tên người đại diện (*Viết chữ in hoa*):

Ngày/tháng/năm sinh: / Giới tính Dân tộc:

Giấy CMND số: Cấp ngày Nơi cấp

2. Hộ khẩu thường trú của hộ:

3. Số người trong hộ người. Trong đó: Trong độ tuổi lao động người

4. Hoàn cảnh gia đình (*Ghi cụ thể có thuộc hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn kinh tế hay không*)...
.....

5. Tình trạng nhà ở trước thiên tai xảy ra (*Ghi cụ thể*):
.....

6. Tình trạng thiệt hại về nhà ở (*Ghi cụ thể đã đổ sập, trôi, cháy hoàn toàn, phải di rời nhà ở khẩn cấp, hư hỏng nặng*):
.....

7. Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ;

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm

Ngày... tháng.... năm 20.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

7. Có khuyết tật không?

Không

Có (Đạng tật Mức độ khuyết tật)

8. Thông tin về mẹ của đối tượng:

9. Thông tin về cha của đối tượng:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu có điều gì khai không đúng, tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn.

Ngày..... tháng năm 20.....

Thông tin người khai thay

Giấy CMND số:.....

Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Quan hệ với đối tượng:.....

Địa chỉ:

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên. Trường hợp khai thay phải
ghi đầy đủ thông tin người khai thay)

Phần 2. KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội xã/phường/thị trấn:

đã xem xét hồ sơ, xác minh thông tin cá nhân của

và họp ngày tháng năm thống nhất kết luận như sau (Ghi cụ thể diện chính
sách, chế độ hưởng, thời gian):

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng theo
quy định./.

Ngày tháng năm 20.....

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Đường link: http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=170420

2. Thông tư 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện

Đường link: <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=36202>

